

## SỰ THAY ĐỔI ĐỜI SỐNG TÍN NGƯỠNG CỦA CƯ DÂN VẠN ĐỒ SÔNG HƯƠNG

ThS. Nguyễn Mạnh Hà  
Đại học Khoa học, Đại học Huế

**Tóm tắt:** Sông Hương chảy qua thành phố Huế là một trong nhiều danh thắng của Việt Nam. Do bối cảnh lịch sử và điều kiện kinh tế - xã hội, đây cũng là nơi cư trú của cư dân vạn đò qua nhiều thế kỷ. Cuộc sống trên sông nước với sinh kế đánh bắt thủy sản, khiến tín ngưỡng nổi bật của họ là thờ cúng Bà Thủy cùng một số tập quán kiêng kỵ. Tín ngưỡng này gắn với chu kỳ đời người và các hoạt động trong năm của gia đình, cộng đồng. Từ khi cư dân vạn đò được tái định cư ở thành phố Huế, tín ngưỡng đó cũng biến đổi, mai một. Thờ cúng Bà Thủy chỉ còn thấy ở những khu vực gắn với nghề khai thác thủy sản và hoạt động khác trên sông nước, tại nơi người dân chuyển đổi sinh kế thì theo một số tín ngưỡng của cư dân sống trên bờ. Do vậy, bảo tồn tín ngưỡng truyền thống của cư dân vạn đò sông Hương không chỉ là quan tâm đến nhóm yếu thế, mà còn đóng góp cho phát triển du lịch.

**Từ khóa:** Cư dân vạn đò sông Hương, tín ngưỡng, thờ Bà Thủy, thay đổi, bảo tồn.

**Abstract:** The Perfume River in Hue city is one of the popular scenery sites of Vietnam. Due to the historical and socio-economic circumstances, this river has been the residential area of fishermen for many centuries. Floating lifestyles and fishing livelihoods have encouraged a customary belief in worshipping Lady Water (Bà Thủy) together with some taboo customs. This belief informs their life cycle and yearly family and community activities. Since the floating fishermen were settled in Hue city, their beliefs have faded and changed. The Lady Water worshipping is only practiced in the areas where fishing extraction and other water related activities exist. In the areas where the livelihoods are changed, they follow the beliefs of land-based communities. Therefore, preserving the traditional beliefs of the fishermen on the Perfume River is not only for the preservation of vulnerable groups but also contributes to the development of Hue tourism.

**Keywords:** Perfume River fishermen, belief, worshipping Lady Water, change, preserve.

Ngày nhận bài: 7/5/2020; ngày gửi phản biện: 3/7/2020; ngày duyệt đăng: 28/7/2020

### Mở đầu

Cư dân vạn đò sông Hương là cộng đồng sống trên mặt nước từ thượng nguồn đến hạ lưu của dòng sông Hương và các nhánh sông nhỏ xung quanh thành phố Huế. Họ sống tập trung thành nhiều vạn, mỗi vạn có khoảng 50 - 150 gia đình. Trước đây, vạn là những đơn vị

tự quản, có quan hệ mật thiết về huyết thống, nghề nghiệp, tin ngưỡng. Về thời điểm hình thành cộng đồng cư dân này, đến nay vẫn còn nhiều ý kiến, nhưng có thể khẳng định, cư dân vạn đò sông Hương trước tái định cư có điểm chung là nghèo đa chiều, ít tài sản, việc làm không ổn định, đông con, thiệt thòi trong tiếp cận các dịch vụ y tế, giáo dục...

Sống trong môi trường sông nước, cư dân vạn đò sông Hương ở thành phố Huế có niềm tin và thực hành tín ngưỡng riêng. Những tín ngưỡng đó được thể hiện trong các lễ nghi, cúng tế, lễ hội và nhất là lễ nghi liên quan đến Bà Thủy. Bà Thủy được cư dân vạn đò nơi đây thờ cúng vào các dịp lễ hội lớn của cộng đồng, cũng như các nghi thức trong đời sống của gia đình và cá nhân với mong muốn đem lại sự bình an, sức khỏe và may mắn.

Là cộng đồng có quá trình hình thành, tồn tại, phát triển cũng như vận mệnh lịch sử gắn liền với cư dân Thừa Thiên Huế nên cư dân vạn đò sông Hương đã được nhiều tác giả quan tâm. Song, các nghiên cứu này chủ trọng nhiều hơn về sinh hoạt (Phan Hoàng Quý, 1999), về sinh kế (Phạm Thị Cúc, 2011; Châu Lê Xuân Thi, 2013), về vấn đề ổn định đời sống sau tái định cư (Phạm Thị Phương Hào, 2014; Nguyễn Ngọc Châu, 2015), hay các vấn đề chung về kinh tế - xã hội (Nguyễn Mạnh Hà, 1999)... của cư dân vạn đò sông Hương. Qua đó, các tác giả đã chỉ ra đời sống bấp bênh khi sống trên thuyền; sinh kế gắn với sông nước; các mối quan hệ cộng đồng như gia đình, dòng họ; hay phong tục, lối sống, tín ngưỡng, lễ hội của cư dân vạn đò sông Hương. Các nghiên cứu cũng cảnh báo về vấn đề quy hoạch nhà ở tại các khu định cư; các khía cạnh chưa phù hợp liên quan tới chính sách kinh tế - xã hội của các cấp chính quyền trong quá trình tái định cư cho người dân. Song, đời sống tâm linh và thực hành tín ngưỡng của họ sau tái định cư lại chưa được chú trọng nghiên cứu.

*Cộng đồng cư dân liên quan đến nghiên cứu này là cộng đồng đã lên định cư trên đất liền kể từ những năm 1989 đến cuối năm 2010, tại 05 khu định cư ở các phường/xã: Phước Vinh (1989), Kim Long (1995), Phú Hậu (1998), Hương Sơ (2008) và thôn Lại Ân (2009) thuộc xã Phú Mậu, huyện Phú Vang tỉnh Thừa Thiên Huế.* Theo đó, các lễ nghi, cúng tế, lễ hội cũng như lễ thức liên quan đến Bà Thủy đã thay đổi ít nhiều so với trước đây, khi người dân còn sống trên sông nước. Bài viết này tập trung tìm hiểu các đặc điểm và sự thay đổi về tín ngưỡng, thực hành nghi lễ, đồ cúng tế khi cư dân vạn đò sông Hương thay đổi về môi trường sống, nghề nghiệp, quan hệ xã hội và các nguyên nhân, xu hướng của sự thay đổi đó.

### 1. Các lễ nghi cúng tế và kiêng kỵ truyền thống

Khác với ngư dân vùng biển và đầm phá, cư dân vạn đò sông Hương không “ra khơi vào lộng”, không nuôi trồng thủy hải sản mà chỉ đánh bắt, khai thác thủy sản trên sông và các nhánh của sông Hương. Tuy vậy, họ cũng luôn phải đối mặt với sự bất trắc trên sông nước. Cư trú tạm bợ trên thuyền nên họ đặt niềm tin vào nhiều thần linh, chỗ dựa tinh thần cho cuộc sống mưu sinh. Trong đó, họ có thực hành hệ thống tín ngưỡng của cộng đồng cư dân nông nghiệp (tế thành hoàng, lễ cúng rào, lễ tế ở đình vạn) và ở các gia đình (thờ ông bà, tổ tiên, lễ cầu an trong họ). Đặc biệt, những tín ngưỡng liên quan việc thờ cúng Bà

Thuyền trong cúng Tết thuyền, ngư cụ, lễ mờ nước, cúng đầu năm mới và lễ hạ thuyền, mang tính đặc thù của cư dân thủy điện. Cụ thể như sau:

- Tế thành hoàng: hàng năm cư dân trên sông Hương tổ chức lễ tế thành hoàng vào ngày Rằm tháng 2 âm lịch. Đứng ra tổ chức lễ là Ban lễ nghi của vạn gồm những người cao niên, có nhiều kinh nghiệm trong sản xuất, làm ăn và có đời sống kinh tế khá giả. Lễ này tương đồng với lễ tế ở đình làng của cư dân trên bờ. Mỗi dòng họ, gia đình vào làm lễ, chiêng trống sẽ nổi lên. Khi tế xong, lễ vật được dọn ra và mời bà con, họ hàng trong vạn, cũng như các vạn cận cư cùng thụ lộc.

- Lễ cúng rào: ý nghĩa của lễ tương tự như cúng thổ thần của cư dân nông nghiệp, nhằm cầu mong mùa màng bội thu, may mắn đến với gia đình và cộng đồng. Lễ cúng rào thường tổ chức vào những ngày đầu năm hoặc cuối năm. Người đứng ra tổ chức thường là ông vạn trưởng hay một người cao niên, có uy tín trong cộng đồng. Lễ vật gồm trâu cau, rượu, hương, hoa.

- Lễ tế ở đình vạn: ngoài những am, miếu trên các bãi bồi, ở khu vực phường Kim Long, Vỹ Dạ, Phú Bình... mỗi vạn đều có một ngôi đình để thờ tự. Trong các đình thì đình vạn An Hội được mọi người biết nhiều nhất (trên mảnh đất nhỏ ở góc chợ Đông Ba - gần cầu Gia Hội). Đây là ngôi đình duy nhất trong 11 vạn dờ trên sông Hương nghiêm trang như các ngôi đình làng khác trên đất liền (Phan Hoàng Quý, 1999, tr. 138). Trong đình có bài vị của Thành hoàng, có bàn thờ Phật, ngoài đình có miếu thờ Thổ thần, Bà Thủy, Am ngũ hành thờ các thần: Kim - Mộc - Thủy - Hỏa - Thổ, và am ngoài cùng thờ những oan hồn đi lạc.

- Thờ cúng tổ tiên, ông bà: trước đây khi còn sống dưới sông, cư dân đặt một bàn thờ trong khoang giữa bên lái (bên phải) trên thuyền để thờ cúng ông bà, cha mẹ; trên bàn thờ đều có lư hương và các đồ thờ tự, đèn, hoa.

- Lễ cầu an trong họ: đây là lễ đặc thù của cư dân trên sông Hương. Thông thường 6 - 12 năm trong họ tổ chức dàn chay để cầu an cho những người đã chết. Để làm vừa lòng những người đã mất, chủ gia đình và thầy cúng bố trí bàn thờ hạ bá, thổ thần, các chư thần, với đồ cúng tế bằng hàng mã không thể thiếu là mũ, quần áo, dày dép, các hình nhân. Mỗi người chết trong họ được tượng trưng bằng một hình nhân. Sau buổi lễ, những vật dụng, hình nhân được đốt hay thả trôi sông tùy theo quan niệm của từng vạn đối với những người chết do oan uổng, rủi ro hay bệnh tật.

- Cúng Tết thuyền và ngư cụ: chuẩn bị bước sang năm mới, tùy từng gia đình có điều kiện kinh tế khác nhau, đều làm lễ cúng tế thuyền để làm ăn, cư trú thuận lợi. Họ lau chùi thuyền sạch sẽ, sắp xếp đồ đạc ngăn nắp trên thuyền. Đồ cúng gồm trâu, cau, rượu, hương hoa, sớ. Chủ thuyền khấn vái thần linh cầu xin phù trợ. Lễ cúng có sự tham dự của một số cư cao niên trong cộng đồng.

- Cúng đầu năm mới: là lễ cúng những ngày tết âm lịch. Người ta chọn tuổi già chủ, chọn ngày, giờ và hướng đi cho từng thuyền. Lễ vật có trâu cau, vàng bạc, giấy tiền, áo binh, sớ.

- Lễ hạ thủy: là hình thức cúng thuyền mới (như lễ về nhà mới của cư dân trên đất liền). Gia đình nào đóng thuyền mới hay thuyền du lịch thì tổ chức buổi lễ để "ra mắt" cộng đồng. Chủ thuyền khấn vái thần linh, thủy thần rồi thông báo mình có thuyền mới và ăn mừng. Lễ vật gồm cau, trâu, rượu, hương, hoa, và luôn có sớ cúng Bà Thủy. Đối với những thuyền du lịch mới thì lễ vật sẽ nhiều hơn như có lợn, gà, xôi, chè, trâu cau, hoa quả, bánh, rượu, bia.

- Lễ đầu năm của chu kỳ đánh bắt: các hoạt động của cư dân trên sông Hương như đánh bắt cá, vận chuyển tre nứa, khai thác cát sỏi là những nghề truyền thống từ lâu, đóng vai trò quan trọng trong đời sống kinh tế của họ. Có thể xem đây là lễ cầu ngư đầu năm của cư dân với mục đích cầu khẩn thần linh phù hộ cho may mắn, phát tài, phát lộc, bình an trong cuộc sống. Công việc này do ông vạn trưởng hay một cụ già cao niên trong cộng đồng tổ chức. Lễ vật gồm gà trống, các loại trái cây, bánh kẹo, 2 mâm cá, thịt, vàng bạc, tiền, áo binh, rượu, trâu cau, hương, hoa.

- Lễ cúng ông tổ của nghề: lễ này được tổ chức 2 - 4 năm/lần, gồm 3 lễ chính. Lễ thứ nhất cúng gia tiên. Lễ thứ hai cúng cô, bác và các linh hồn lang thang. Lễ thứ ba cúng ở bản thờ tổ nghề. Lễ vật gồm rượu, trâu cau, hương, hoa, một con gà trống để xem chân, một mâm các loại trái cây, bánh kẹo; 2 mâm cá, thịt, 2 đĩa muối, gạo, vàng, bạc, áo binh, tiền âm phủ và 5 tờ áo gấm (giống áo binh). Người đứng ra tổ chức cúng tế là ông trưởng vạn. Mục đích của buổi lễ là tạ ơn, trân trọng nghề nghiệp của mình và tưởng nhớ đến người đã khai sinh ra nghề.

- Lễ cúng Rằm tháng bảy: đây là lễ nghi quan trọng của cư dân làm nghề sông nước. Theo quan niệm của ngư dân "làm nghề cá thì phải có sự phù hộ của Bà Thủy" nên cần cúng bái để thể hiện lòng thành của cá nhân và cộng đồng. Trên bản thờ thường có hoa quả, bánh ngọt. Nghi lễ được tổ chức vào đêm Rằm tháng 7 âm lịch. Nghi thức thả đèn và phóng sinh được thực hiện lúc nửa đêm. Người tổ chức lễ nghi quan trọng này là ông trưởng vạn.

- Lễ cúng Tam phủ: lễ lớn nhất của cộng đồng cư dân vạn dò sông Hương, mang tính cộng đồng rất cao và được tổ chức 3 - 4 năm một lần. Lễ vật bao gồm lợn, gà, vàng mã, tiền, hoa quả, hương, 3 bộ đồ mã tam phủ (đầy đủ mũ, giày) 2 bộ áo Đức Ngự ông và Bà, 1 bộ áo bà Chúa Thánh Mẫu (Thiên Y A na), 3 bộ áo cậu, một bộ áo tiên sư, 5 bộ ngũ hành, 5 bộ há bá, 2 bộ lột (hình nhân) Bà Sơn và Bà Thủy, một bộ cung tên, câu ống, nơm. Lễ cúng Tam Phủ được cúng ở vạn hoặc ngư dân kết thuyền lại với nhau cúng tổ chức cúng tại từng vạn. Lễ diễn ra với 2 tiết chính: lễ Nghinh Thủy (Thịnh ngài) và chình lễ. Trưởng vạn và bảy cúng thực hiện các nghi lễ quan trọng của buổi lễ.

Sống trong môi trường đặc thù, quan hệ với cộng đồng cư dân trên đất liền có phần biệt lập, cuộc sống sông nước bấp bênh và phụ thuộc điều kiện của tự nhiên nên cư dân vạn đò sông Hương có những kiêng kỵ, như:

- Khi gió bão, làm ăn không thuận lợi, họ sửa soạn đĩa hoa quả và thắp nhang lên bàn thờ tổ tiên, bàn thờ thủy thần để cầu mong Bà Thủy phù hộ cho tai qua nạn khỏi, gặp nhiều may mắn.

- Không được gọi tên các thần linh một cách vô cớ, như con rái cá thì gọi là Ông Rái và khi đánh bắt cá cũng không nói đến ông Hà Bá, rái cá và các con hồ, mèo, khi.

- Kiêng người lạ lên thuyền của mình; không được bước qua dây, ngư cụ đánh bắt cá và dụng cụ khai thác cát sạn.

- Kiêng phụ nữ mang thai lên thuyền, kiêng thăm phụ nữ sinh nở hay phụ nữ hư thai, sảy thai do lo sợ những điều không may mắn, bất trắc xảy ra trong quá trình làm nghề.

## 2. Tín ngưỡng thờ Bà Thủy trước đây

Tín ngưỡng thờ Mẫu khởi nguyên từ ý thức tưởng nhớ tổ tiên, xuất phát từ lòng tôn kính. Thờ Mẫu là loại hình tín ngưỡng dân gian được tích hợp bởi các lớp tín ngưỡng thờ Nữ thần, thờ Mẫu thân và thờ Tam Phủ - Tứ Phủ. Trong tín ngưỡng thờ Mẫu, Mẫu Thủy là Mẫu Đệ tam, là vị thần âm tính được tôn vinh như Bà Thủy - Mẹ nước (gọi theo tiếng Quảng Đông là Mẫu Thoái).

Trong tục thờ thần (thần suối, thần sông, thần biển), nếu như cư dân ven biển miền Trung và vùng biển ở phía Nam có tục thờ cá Ông là một tín ngưỡng phổ biến, thì cư dân vạn đò sông Hương có tục thờ Bà Thủy. Tục thờ này đáp ứng nhu cầu và làm thỏa mãn ước vọng của cư dân, với mong muốn đem lại sự bình an, may mắn cũng như sức khỏe. Cư dân vạn đò sông Hương xem Bà Thủy là nữ thần bảo trợ cho cuộc sống, buôn bán và làm ăn. Họ thờ Bà trong các dịp lễ hội chung của cộng đồng cũng như dịp năm mới, mở đầu chu kỳ đánh bắt. Thờ Bà Thủy của cư dân sông Hương mang đậm giá trị nhân văn, thể hiện khả năng ứng xử với điều kiện tự nhiên, sông nước. Trong quan niệm dân gian về thủy giới, có nhiều vị thần khác nhau. Nguyễn Hữu Thông (2016, tr. 113) cho biết: “Thủy Long thần nữ không nằm trong khung những vị thần của tín ngưỡng thờ Mẫu, mà là sản phẩm thuần đặc của cư dân gắn với sông nước. Và bản thân những vị thủy thần cũng là sản phẩm bị chi phối của từng địa phương trên cái nền cần ứng xử của con người với mỗi thủy vực cụ thể”.

Như vậy, tín ngưỡng thờ Bà Thủy của cư dân vạn đò sông Hương dựa trên nền tảng tín ngưỡng cư dân nông nghiệp, kết hợp với đạo thờ cúng tổ tiên và ảnh hưởng thờ Ngũ hành (sau này là đạo Mẫu, kết hợp với Thiên Y A na). Vị trí bàn thờ Bà Thủy của cư dân trước đây được đặt ở đầu khoang thuyền hoặc một vị trí cao ráo trong thuyền, xa bếp và chỗ sinh hoạt. Cư dân thờ Phật ở phía trước, Bà Thủy ở phía sau. Trên bàn thờ có lễ vật gồm bánh, hoa quả và đặc

biệt trong các ngày lễ thi hương và hoa không thể thiếu. Tại các vạ đò, cư dân đều dựa vào địa hình, cảnh quan của tự nhiên để lập nên các đền (am) trên các hòn đảo nhỏ, hoặc dựa vào bờ sông hay trên đất liền sát mép bờ sông để thờ Bà Thủy, Hà Bá và những vị chư thần.

Trong nghiên cứu của các tác giả Trần Thị An (2014, tr. 87-97), Dương Hoàng Lộc (2010), Trần Trọng Dương (2017, tr. 60-64) liên quan đến tín ngưỡng thờ Bà Thủy đều cho rằng, cư dân biển và ngư dân ở Nam Bộ đều lập miếu/đình để thờ Bà. Tuy nhiên, kết quả khảo sát của chúng tôi cho thấy, cư dân vạ đò sông Hương không lập am/miếu thờ Bà Thủy. Theo lý giải của những thầy cúng, thủ am, sớ dĩ như vậy là bởi: “Nghề nghiệp của họ gắn chặt với sông nước nhưng không quá nguy hiểm so với cư dân di biển. Quá trình di cư, thay đổi chỗ ở để thuận lợi trong làm ăn, sinh sống khiến họ không có đất để lập các am miếu thờ Bà Thủy như cư dân các vùng khác”<sup>1</sup>

Bà Thủy được cộng đồng cư dân vạ đò sông Hương coi là nữ thần chính bảo trợ cho cuộc mưu sinh trên sông nước. Họ thờ Bà Thủy và thực hành các nghi lễ thường xuyên ở lễ hội chung của cộng đồng, trong đó nghi lễ thờ Mẫu diễn ra hàng năm vào tháng 3 và tháng 7 Âm lịch được tổ chức tại điện Hòn Chén, với sự tham dự đầy đủ nhất của các vạ đò là lễ nghi lớn nhất. Dự lễ hội này còn có nhiều người, không phân biệt sống trên đất liền hay sông nước. Lễ hội diễn ra hai ngày và những chiếc thuyền được kết thành những chiếc “bằng”. Đó là 2 chiếc thuyền rồng được kết đôi nhau, trang hoàng lộng lẫy. Trên mỗi bằng có bàn thờ Thánh Mẫu, long kiệu, các lầu, miếu mạo, được trang hoàng rực rỡ bằng những gam màu nóng (đỏ, vàng, hồng) nhằm gây sự chú ý cho những đám rước xung quanh và tạo nên sự trang trọng của buổi lễ. Mỗi bằng có đội hầu văn riêng. Mỗi vạ đò của cư dân sông Hương có 1 - 2 chiếc bằng, tùy khả năng kinh tế của các thành viên trong vạ đò đóng góp.

### 3. Sự thay đổi tín ngưỡng của cư dân vạ đò sông Hương hiện nay

Việc định cư của cư dân vạ đò sông Hương là điều kiện quan trọng để phát triển kinh tế - xã hội, được các cấp chính quyền địa phương ở tỉnh Thừa Thiên Huế nói chung và thành phố Huế nói riêng đặc biệt quan tâm. Theo số liệu điều tra của chúng tôi, trong 200 hộ gia đình cư dân vạ đò trên sông Hương tại 5 khu TĐC, tín ngưỡng của cư dân được thể hiện như sau:

**Bảng 1: Tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên và thờ Bà Thủy tại các khu TĐC**

STT	Khu TĐC	Năm hình thành khu TĐC	Số hộ thờ cúng tổ tiên	Số hộ thờ Bà Thủy	Số lượng am/điện
1	Phước Vĩnh	1989	40/40	5/40	0/40
2	Kim Long	1995	40/40	16/40	9/40
3	Bãi Dầu	1998	40/40	3/40	0/40

<sup>1</sup> Theo ý kiến ông Nguyễn Toàn (thủ am), Nguyễn Văn Thương (thầy cúng) cư dân vạ đò tại khu TĐC Kim Long, tháng 8/2019.

	(Phù Hậu)				
4	Hương Sơ	2008	40/40	1/40	0/40
5	Lại Ân (Phù Vang)	2009	40/40	18/40	5/40
<b>Tổng cộng</b>			200	43/200	14/200

Nguồn: Số liệu điều tra năm 2018 và 7/2019 của tác giả

Tại khu TĐC Lại Ân và Kim Long, số lượng hộ gia đình tham gia đánh bắt, nuôi trồng thủy hải sản và khai thác cát sạn tập trung nhiều nhất nên số hộ theo tín ngưỡng thờ Bà Thủy cao hơn nhiều so với các hộ gia đình không làm những nghề truyền thống. Cụ thể: số hộ đó ở Lại Ân là 45%, Kim Long - 40%, Phước Vĩnh - 12,5%, Bãi Dâu - 7,5% và Hương Sơ - 2,5%. Đặc biệt, tại khu TĐC Kim Long có 09 am điện, khu TĐC Lại Ân có 05 am điện.

Khảo sát về niềm tin của cư dân tại các khu TĐC, chúng tôi nhận được kết quả như sau:

**Bảng 2: Niềm tin trước và sau TĐC về tín ngưỡng thờ Bà Thủy**

STT	Khu TĐC	Tổng số hộ	Trước TĐC			Sau TĐC		
			Tin nhiều	Tin	Không tin	Tin nhiều	Tin	Không tin
1	Phước Vĩnh	40	35	5	0	7	25	8
2	Kim Long	40	38	2	0	20	19	1
3	Bãi Dâu (Phù Hậu)	40	32	8	0	15	18	7
4	Hương Sơ	40	30	10	0	20	10	10
5	Lại Ân (Phù Vang)	40	38	2	0	30	10	0
<b>Tổng cộng</b>		200	173	27	0	92	82	26

Nguồn: Số liệu điều tra năm 2018 và 7/2019 của tác giả

Qua Bảng 2 có thể nhận thấy, trước khi TĐC, số lượng hộ gia đình tin nhiều và tin vào Bà Thủy, Thủy Thần chiếm 100%. Sau khi TĐC trên đất liền, niềm tin của cư dân có sự thay đổi. Số hộ không tin vào tín ngưỡng Bà Thủy ở các khu TĐC như sau: ở Hương Sơ có 25% số hộ; tương tự tỷ lệ ấy ở Phước Vĩnh là 20%, Phù Hậu - 17,5%, Kim Long - 2,5%, và Phù Mậu - 0%.

Ông Trần Văn Thương, 60 tuổi cho biết, trước đây khi còn sống trên thuyền nếu tách hộ ở riêng thì lập bát nhang để cầu mong làm ăn thuận lợi, để tránh tinh tà (ma quỷ). Sau này sinh sống trên đất liền thì thờ am cô am cậu trước nhà<sup>2</sup>. Qua khảo sát tại 5 khu TĐC cho thấy, các hộ gia đình cư dân ven dòng sông Hương đều lập các am cô, am cậu trong khuôn viên gia

<sup>2</sup> Am phía ngoài thờ Cậu, am phía trong thờ Cô là vong linh của những người trong gia đình bị chết lúc còn nhỏ, những cô gái đồng trinh, người chết oan trong dòng họ. Trong mỗi am thờ có đặt một hay nhiều bát hương, một tách đựng nước, một cái đĩa để đựng trầu, một quả bông nhỏ, một bình hoa, một cây đèn. Để phân biệt được am Cô và am Cậu, thì dựa vào hình dáng và vật dụng thờ: am Cô có thêm gương và lược, am Cậu không có những thứ này; am Cô hai bên có hai con phượng hoàng, còn am Cậu là hai con ngựa.

đình. Việc này là nét riêng biệt trong tín ngưỡng của họ từ khi thay đổi môi trường sống. Điều đó cũng được tác giả Trần Đại Vinh xem là nét độc đáo trong đời sống văn hóa của cư dân Huế: “Tùy vào điều kiện gia đình thì cư dân Huế còn thiết lập một am cô hay am cậu ngoài sân nhà để thờ phụng hương khói hay sóc vọng... Điều này thể hiện nét độc đáo trong văn hóa, tín ngưỡng cư dân Huế” (Trần Đại Vinh, 2017, tr. 3-14).

Như vậy, tín ngưỡng, niềm tin vào Bà Thủy của cư dân ít nhiều có sự thay đổi. Họ đã bị ảnh hưởng các tín ngưỡng của cư dân trên đất liền, do tổ chức các nghi lễ giống với cư dân trên đất liền như: Tết Nguyên đán, Nguyên tiêu (15 tháng Giêng âm lịch), cúng Đất (Mẫu Địa), Rằm tháng 7, cúng vào ngày 30 và rằm (14 âm lịch) hàng tháng. Mặt khác, cấu trúc các am thờ, sắp xếp bàn thờ của cư dân khi định cư trên đất liền không giống khi sống trên sông nước. Trước đây, họ chỉ bố trí nơi thờ trên mũi thuyền và trong khoang thuyền thì nay bàn thờ được đặt ở trong nhà và dựng các am ngoài trời. Có những gia đình có từ 3 đến 5 cái am.

Cư dân vạn đò sông Hương tham gia các lễ ở đền, điện có giảm về số lượng. Lễ vật so với trước đây không khác nhau nhiều nhưng có sự thay đổi về lượng đồ cúng tế, như áo quan, tiền bạc, hình nhân so với khi họ còn sống ở đò trên sông Hương. Hiện nay, cư dân đã lập các am/điện ngay tại nhà để thực hành nghi lễ liên quan đến Bà Thủy. Điều này cho thấy, niềm tin của cư dân vạn đò sông Hương vào các yếu tố huyền bí, linh thiêng, chữa bệnh tật, tai nạn, chết không rõ nguyên nhân vẫn còn, nhưng không tuyệt đối như trước đây. Sự thay đổi nghề nghiệp của họ đã ảnh hưởng đến tín ngưỡng thờ Bà Thủy nói riêng và thờ Mẫu nói chung. Do thay đổi mưu sinh, từ đánh bắt cá, vận chuyển tre nứa, khai thác cát sỏi trên sông sang đập xích lô, xe ôm, buôn bán nhỏ trên chợ..., nên ông tổ nghề bây giờ không chỉ là ông tổ nghề cá.

### Kết luận

Sinh sống từ lâu đời trên sông Hương, cư dân vạn đò có một số tín ngưỡng riêng, đáp ứng nhu cầu tâm linh của những người sống trên sông nước. Tín ngưỡng thờ Mẫu/Bà Thủy của cư dân vạn đò sông Hương rất quan trọng trong đời sống của họ, là một dạng tín ngưỡng dân gian kết hợp với các yếu tố Nho - Phật - Lão của cư dân ở Việt Nam nói chung và cư dân vạn đò sông Hương nói riêng. Việc bảo tồn tín ngưỡng này là bảo tồn văn hóa của chính các chủ nhân sáng tạo văn hóa, trong bối cảnh bảo tồn Tín ngưỡng thờ Mẫu ở Thừa Thiên Huế<sup>3</sup>.

Tín ngưỡng thờ Bà Thủy và lễ nghi, kiêng kỵ trong đời sống văn hóa thể hiện sự thích ứng văn hóa của cư dân khi thay đổi môi trường, điều kiện sống, và đó cũng là sự giao lưu tiếp biến văn hóa. Sự tiếp biến này ít nhiều phụ thuộc vào ngành nghề có liên quan đến sông nước của cư dân sau khi ĐỘC. Điều đó cho thấy, cần nhận diện xu thế vận động, tìm ra các giá trị tâm linh để có những giải pháp bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa và hạn chế các yếu tố mê tín, cản trở sự phát triển của xã hội.

Tín ngưỡng thờ Mẫu/Bà Thủy là nhu cầu văn hóa tâm linh của cộng đồng cư dân nên cần được nghiên cứu sâu hơn để phát huy các giá trị cũng như cách thức bảo tồn những giá

<sup>3</sup> Hiện nay ở tỉnh Thừa Thiên Huế đã thành lập Ban Bảo trợ và Phát triển Tín ngưỡng thờ Mẫu ở Thừa Thiên Huế.



trí độc đáo trong loại hình tín ngưỡng này. Mặt khác, việc bảo tồn các giá trị của tín ngưỡng đó có thể gắn với những loại hình du lịch tâm linh đặc thù của cư dân sông Hương - cư dân vốn được xem là nhóm yếu thế trong bối cảnh hội nhập và phát triển kinh tế, xã hội ở các vùng miền, biển đảo, đầm phá và sông nước ở miền Trung Việt Nam.

### Tài liệu tham khảo

1. Trần Thị An (2014), “Thờ nữ thần ở đảo Phú Quốc từ tín ngưỡng thờ Bà Thủy đến tín ngưỡng thờ Thánh Mẫu”, *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo*, Số 1, tr. 87-97.
2. Trần Thị An (2015), “Bản sắc Nam bộ qua tục thờ nữ thần - Nghiên cứu trường hợp tục thờ Bà Thủy”, *Tạp chí Khoa học (Trường Đại học Văn hiến)*, Số 8, tr. 23-32.
3. Nguyễn Ngọc Châu (2015), *Một số giải pháp nhằm sử dụng lao động và tạo việc làm ổn định cho cộng đồng cư dân vạn đò tái định cư ở phường Kim Long, thành phố Huế*, Báo cáo tổng hợp đề tài cấp Cơ sở, Trường Đại học Kinh tế Huế.
4. Phạm Thị Cúc (2011), *Thực trạng về lao động và việc làm của người dân vạn đò sau khi định cư trên bờ ở Bãi Dâu - Phường Phú Hậu, thành phố Huế*, Khóa luận tốt nghiệp, Trường Đại học Kinh tế Huế.
5. Trần Trọng Dương (2017), “Tín ngưỡng Bà Thủy Long: Phức thể liên văn hóa”, *Tạp chí Khoa học và Công nghệ Việt Nam*, Số 6b, tr. 60-64.
6. Nguyễn Mạnh Hà (1999), “Kinh tế và xã hội cư dân trên sông Hương Huế từ năm 1954 - 1975”, Luận văn Thạc sĩ, Đại học Khoa học, Đại học Huế.
7. Phạm Thị Phương Hào (2014), *Dự án khu chung cư Bãi Dâu và tác động của nó đến người dân vạn đò thành phố Huế*, Khóa luận tốt nghiệp, Trường Đại học Kinh tế Huế.
8. Dương Hoàng Lộc (2010), “Tín ngưỡng thờ Bà Thủy của cộng đồng ngư dân An Thủy (huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre)”, trên trang <http://khoavanhocngonngu.edu.vn> (truy cập ngày 23/8/2019).
9. Phan Hoàng Quý (1999), “Sinh hoạt những vạn đò trên sông Hương trước 1975”, *Nghiên cứu Huế tập 1*, Trung tâm Nghiên cứu Huế. tr. 133-155.
10. Châu Lê Xuân Thi (2013), *Sinh kế và thu nhập của các hộ dân sau khi định cư tại khu tái định cư vạn đò phường Hương Sơ, thành phố Huế*, Khóa luận tốt nghiệp, Trường Đại học Kinh tế Huế.
11. Nguyễn Hữu Thông (2016), “Thủy long thần nữ - Bà là ai”, *Tạp chí Khoa học (Trường Đại học Văn hiến)*, Số 11, tr. 111-115.
12. Trần Đại Vinh (2017), “Tín ngưỡng thờ Mẫu và chư vị ở Thừa Thiên Huế”, *Tạp chí Nghiên cứu và Phát triển*, Sở Khoa học và Công nghệ Thừa Thiên Huế, tr. 3-14.